

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/2009/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2009

THÔNG TƯ
Ban hành Điều lệ trường cao đẳng

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư Điều lệ trường cao đẳng như sau:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Điều lệ trường cao đẳng.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2009 và thay thế Quyết định số 56/2003/QĐ -BGD&ĐT ngày 10 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Cao đẳng.

Điều 3. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trường cao đẳng, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hiệu trưởng các trường cao đẳng chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng CP;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước
- Văn phòng Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương các đoàn thể;
- UBND, sở GD&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ GD&ĐT;
- Công báo;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, Vụ GDĐH, Vụ PC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC

Bành Tiến Long

ĐIỀU LỆ
Trường cao đẳng

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2009/TT-BGDĐT
ngày 28 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Điều lệ này quy định nhiệm vụ và quyền hạn của các trường cao đẳng; điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập, sáp nhập, chia tách, đình chỉ hoạt động, giải thể trường cao đẳng; tổ chức các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền của giảng viên, cán bộ và nhân viên; nhiệm vụ và quyền của người học; tổ chức và quản lý trường cao đẳng; tài chính và tài sản của trường cao đẳng; quan hệ giữa nhà trường và xã hội; thanh tra, kiểm tra, khen thưởng và xử lý vi phạm trong các trường cao đẳng.

2. Điều lệ này áp dụng đối với các trường cao đẳng công lập và tư thục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 2. Các loại hình trường cao đẳng

Các loại hình trường cao đẳng bao gồm: trường cao đẳng công lập và trường cao đẳng tư thục.

1. Trường cao đẳng công lập do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập. Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí cho các hoạt động của trường, chủ yếu do ngân sách Nhà nước bảo đảm.

2. Trường cao đẳng tư thục do tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế hoặc cá nhân đầu tư và được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập. Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, và kinh phí hoạt động của trường là nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc đặt tên trường cao đẳng

1. Tên của trường cao đẳng phải được đăng ký bằng tiếng Việt và được dịch sang tiếng Anh, bao gồm các thành phần như sau:

Trường cao đẳng + ngành hoặc nhóm ngành đào tạo chính (nếu cần) + tên riêng hoặc tên địa phương. Tên riêng là tên các danh nhân văn hoá, lịch sử.

2. Tên trường không được trùng lặp với tên các trường khác đã được thành lập, đang hoạt động đào tạo trong hệ thống các trường cao đẳng trên phạm vi toàn quốc.

3. Tên trường được ghi trong quyết định thành lập trường, con dấu, biên hiệu trường và các văn bản, giấy tờ giao dịch của trường.

Điều 4. Quản lý nhà nước đối với trường cao đẳng

1. Trường cao đẳng chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trường cao đẳng chịu sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi trường đặt trụ sở (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

Điều 5. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong nhà trường lãnh đạo nhà trường và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

2. Đoàn thể, tổ chức xã hội trong nhà trường hoạt động theo quy định của pháp luật và có trách nhiệm góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo của nhà trường.

Điều 6. Nhiệm vụ của trường cao đẳng

1. Đào tạo nhân lực trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp phù hợp, đáp ứng nhu cầu của xã hội, có khả năng hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp, tự tạo được việc làm cho mình và cho xã hội.

2. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao; kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học, triển khai nghiên cứu khoa học; phát triển và chuyển giao công nghệ, thực hiện các loại hình dịch vụ khoa học, công nghệ và sản xuất; sử dụng có hiệu quả kinh phí đầu tư phát triển khoa học và công nghệ.

3. Thực hiện dân chủ, bình đẳng, công khai trong việc bố trí và thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, khoa học, công nghệ và hoạt động tài chính; quản lý giảng viên, cán bộ, công nhân viên; xây dựng đội ngũ giảng viên của trường đủ về số lượng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng, cân đối về cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Đăng ký, tổ chức triển khai kiểm định chất lượng giáo dục và chịu sự quản lý chất lượng của cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục.

5. Tuyển sinh, tổ chức quá trình đào tạo, công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ theo đúng quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài trong những người học và trong đội ngũ cán bộ giảng viên của trường.

7. Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài sản theo quy định của pháp luật.

8. Phối hợp với các tổ chức, cá nhân và gia đình của người học trong hoạt động giáo dục.

9. Tổ chức cho giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học tham gia các hoạt động xã hội phù hợp với ngành nghề đào tạo. Chăm lo đời sống và bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của cán bộ, giảng viên nhà trường.

10. Giữ gìn và phát triển những di sản văn hoá dân tộc.

11. Thực hiện chế độ báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ quan quản lý các cấp về các hoạt động của trường theo quy định hiện hành.

12. Công khai những cam kết của trường về chất lượng đào tạo, chất lượng đào tạo thực tế của trường, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính hàng năm của trường.

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền hạn và trách nhiệm của trường cao đẳng

Trường cao đẳng được quyền tự chủ và chịu trách nhiệm về quy hoạch, kế hoạch phát triển nhà trường, tổ chức các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, tài chính, quan hệ quốc tế, tổ chức và nhân sự của trường, cụ thể là:

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục và quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng của Nhà nước.

2. Phát triển chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình, lập kế hoạch giảng dạy và học tập phù hợp với trình độ và hình thức đào tạo cho từng ngành đào tạo trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3. Đăng ký, tham gia tuyển chọn, ký kết và thực hiện hợp đồng khoa học và công nghệ; đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài về khoa học và công nghệ góp phần xây dựng, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước và hội nhập quốc tế.

4. Huy động, quản lý và sử dụng tốt các nguồn lực nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục; hợp tác, liên kết với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hoá, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất và việc làm, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội.

5. Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng và công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân trong hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của trường.

6. Nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; góp vốn bằng tiền, tài sản, giá trị quyền sở hữu trí tuệ; sử dụng nguồn thu từ hoạt động kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất của trường; tài trợ cho các hoạt động thực hiện chính sách ưu đãi đối với con, em gia đình thuộc diện chính sách, các hoạt động xã hội nhân đạo và từ thiện.

7. Được Nhà nước giao quyền sử dụng đất; được thuê đất, vay vốn và được miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật.

8. Tổ chức bộ máy nhà trường, tuyển dụng đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên; thành lập và giải thể các tổ chức khoa học và công nghệ, các đơn vị dịch vụ và các doanh nghiệp của trường theo quy định Nhà nước.

9. Tổ chức các hoạt động của trường tại các cơ sở đã đăng ký và được Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp thuận.

Điều 8. Trách nhiệm dân sự của trường cao đẳng

Trường cao đẳng chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật, không để bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào lợi dụng danh nghĩa và cơ sở vật chất của trường để tiến hành các hoạt động trái với quy định pháp luật.

Điều 9. Quy chế tổ chức và hoạt động của trường cao đẳng

1. Căn cứ vào các quy định tại Điều lệ này, các trường xây dựng, ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường và gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Quy chế tổ chức và hoạt động của trường cao đẳng phải có những nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên trường;
- b) Sứ mạng và tầm nhìn của trường;
- c) Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của trường;
- d) Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của từng tổ chức và của người đứng đầu từng tổ chức đó trong trường;
- đ) Các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;
- e) Tài chính, cơ sở vật chất và trang thiết bị;
- g) Quan hệ quốc tế;
- h) Nhiệm vụ và quyền của giảng viên;
- i) Nhiệm vụ và quyền của người học;
- k) Thanh tra, kiểm tra, khen thưởng và xử lý vi phạm.

Chương II

ĐIỀU KIỆN VÀ TRÌNH TỰ THỦ TỤC THÀNH LẬP, SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH, ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ TRƯỜNG CAO ĐẲNG

Điều 10. Điều kiện thành lập trường cao đẳng

Trường cao đẳng được thành lập khi bảo đảm các điều kiện sau:

1. Phù hợp với quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

2. Có Dự án thành lập trường cao đẳng, trong đó xác định rõ mục tiêu thành lập trường, ngành nghề, chương trình, quy mô đào tạo, cơ cấu tổ chức, quản lý, quy hoạch đất đai, nguồn vốn xây dựng trường, kế hoạch và lộ trình đầu tư phát triển, bảo đảm phù hợp với nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao phục vụ mục

tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương;

3. Được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), nơi đặt trụ sở chính của trường chấp thuận bằng văn bản và cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho dự án thành lập trường cao đẳng tư thục;

4. Có đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, phù hợp với ngành nghề đào tạo, đạt tiêu chuẩn về phẩm chất và trình độ đào tạo, bảo đảm thực hiện mục tiêu, chương trình giáo dục, trung bình không quá 30 sinh viên / 1 giảng viên;

5. Có tổng diện tích đất xây dựng trường không ít hơn 5ha, bình quân diện tích không ít hơn 25m² /1 tính tại thời điểm trường có quy mô đào tạo cao nhất trong kế hoạch đào tạo giai đoạn 10 năm đầu sau khi thành lập; có cơ sở vật chất, thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu hoạt động của nhà trường. Địa điểm xây dựng trường phải đảm bảo môi trường giáo dục, an toàn cho cán bộ, viên chức và sinh viên trong trường;

6. Vốn điều lệ để xây dựng trường không ít hơn 35 tỷ VNĐ được đóng góp bằng các nguồn vốn hợp pháp, không kê giá trị về đất đai.

Điều 11. Quy trình, thủ tục thành lập trường cao đẳng

1. Việc thành lập trường cao đẳng do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định và được tiến hành theo 2 bước:

Bước 1: Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận hồ sơ Dự án đầu tư thành lập trường, thẩm định các điều kiện và quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư thành lập trường;

Bước 2: Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ và các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định Dự án đầu tư thành lập trường, xem xét các điều kiện và ra quyết định thành lập trường.

2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư thành lập trường gồm có:

a) Tờ trình đề nghị thành lập trường cao đẳng của cơ quan chủ quản (đối với trường công lập), của tổ chức hoặc cá nhân (đối với trường tư thục) nêu rõ sự cần thiết thành lập trường, dự kiến tên trường bằng tiếng Việt và tiếng Anh, địa điểm đặt trường, ngành nghề, quy mô đào tạo; nguồn vốn, đất đai, đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý;

b) Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận về việc thành lập trường tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nêu rõ sự cần thiết thành lập trường đối với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; ý kiến của địa phương về địa điểm, đất đai xây dựng trường và khả năng phối hợp, tạo điều kiện của địa phương đối với việc xây dựng và phát triển nhà trường;

c) Dự án đầu tư thành lập trường cao đẳng cần làm rõ: sự cần thiết thành lập trường; sự phù hợp với Quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; mục tiêu, nhiệm vụ, ngành nghề,

quy mô đào tạo trong từng giai đoạn; cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý, điều hành; số lượng, trình độ giảng viên, cán bộ quản lý; đất đai, vốn điều lệ; giải pháp thực hiện; dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động; quy hoạch và kế hoạch xây dựng, phát triển trường trong từng giai đoạn; dự kiến tổng số vốn để thực hiện các kế hoạch và bảo đảm hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học trong 3 năm đầu thành lập và các năm tiếp theo; thuyết minh tính khả thi và hợp pháp của nguồn vốn đầu tư xây dựng và phát triển nhà trường trong từng giai đoạn;

d) Văn bản pháp lý xác nhận quyền sử dụng đất hoặc văn bản thoả thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về chủ trương giao đất để xây dựng trường, trong đó cần làm rõ về địa điểm, ranh giới của khu đất xây dựng trường;

đ) Bản dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng và thiết kế sơ bộ các công trình kiến trúc xây dựng, bảo đảm phù hợp với quy mô đào tạo và tiêu chuẩn diện tích sử dụng cho học tập và giảng dạy;

e) Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về khả năng tài chính và điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật của người đầu tư thành lập trường tư thục hoặc khả năng tài chính và cam kết của cơ quan quản lý cấp trên trong việc đầu tư thành lập trường công lập;

g) Hồ sơ thành lập các trường cao đẳng tư thục phải có thêm các văn bản sau đây:

- Danh sách các thành viên sáng lập;
- Biên bản cử đại diện đứng tên thành lập trường của các thành viên góp vốn;
- Bản cam kết góp vốn xây dựng trường của cá nhân, tổ chức và ý kiến đồng ý của người đại diện đứng tên thành lập trường;
- Danh sách các cổ đông cam kết góp vốn điều lệ;
- Danh sách các cổ đông cam kết góp vốn.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận hồ sơ Dự án đầu tư thành lập trường, thẩm định, đối chiếu với các điều kiện quy định. Nếu Hồ sơ dự án đủ điều kiện, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư thành lập trường. Trường hợp cần thiết, Bộ Giáo dục và Đào tạo có thể tổ chức để chủ đầu tư Dự án báo cáo trực tiếp, làm rõ các nội dung của Dự án. Thời gian thẩm định và thông báo kết quả cho chủ đầu tư Dự án không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

4. Chủ dự án đầu tư gửi Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư và hồ sơ dự án tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét và cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho các dự án đầu tư thành lập trường cao đẳng tư thục, triển khai thực hiện dự án, chuẩn bị các điều kiện cần thiết và hồ sơ đề nghị Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, ra quyết định thành lập trường.

5. Hồ sơ đề nghị Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập trường gồm:

a) Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư thành lập trường cao đẳng của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Giấy chứng nhận đầu tư đối với việc thành lập các trường cao đẳng tư thục và văn bản chấp thuận giao đất xây dựng trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc các văn bản pháp lý về quyền sử dụng đất xây dựng trường, trong đó xác định rõ diện tích, mốc giới, địa chỉ khu đất;

c) Văn bản báo cáo tình hình triển khai Dự án đầu tư thành lập trường của cơ quan chủ quản (đối với trường cao đẳng công lập) hoặc của Ban Quản lý dự án (đối với trường cao đẳng tư thục) cùng ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường đặt trụ sở chính. Báo cáo cần làm rõ những công việc cụ thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện về đất xây dựng trường, số lượng và các điều kiện chuẩn bị về phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, thư viện, trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo; khu thực hành, ký túc xá, khu thể thao và những công trình khác đã được xây dựng trên khu đất; đội ngũ cán bộ, giảng viên, công tác tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ quản lý; tài chính chuẩn bị cho các hoạt động của trường, phù hợp với nội dung, kế hoạch triển khai thực hiện của Dự án, Giấy phép đầu tư đã được phê duyệt và các nội dung công việc, giải pháp tổ chức triển khai trong từng giai đoạn phát triển của nhà trường;

d) Bản Quy hoạch xây dựng trường và thiết kế tổng thể đã được cơ quan chủ quản phê duyệt đối với các trường cao đẳng công lập hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đối với các trường cao đẳng tư thục;

đ) Danh sách dự kiến cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường và văn bản cam kết tham gia của Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, chủ nhiệm khoa, trưởng các phòng, ban, bộ môn;

e) Dự kiến các chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành. Danh mục giáo trình, tài liệu, trang thiết bị phục vụ giảng dạy phù hợp với các ngành đào tạo của trường;

g) Danh sách cán bộ, giảng viên cơ hữu, thỉnh giảng của trường, trong đó cần nêu rõ trình độ chuyên môn của từng người, phù hợp với các ngành, chuyên ngành đào tạo, quy mô tuyển sinh của trường trong từng giai đoạn, nhất là giai đoạn đầu đi vào hoạt động sau khi có quyết định thành lập trường; làm rõ kế hoạch, giải pháp phát triển đội ngũ giảng viên trong các giai đoạn sau khi thành lập;

h) Danh mục số lượng các phòng học, phòng làm việc, thư viện, ký túc xá và các cơ sở vật chất phục vụ học tập, giảng dạy, thí nghiệm, thực hành;

i) Các văn bản pháp lý xác nhận về số tiền hiện có do Ban quản lý dự án đang được giao quản lý, bảo đảm tính hợp pháp và cam kết sẽ chỉ sử dụng để đầu tư xây dựng trường và chi phí cho các hoạt động thường xuyên của trường sau khi được thành lập, thuyết minh về tổng kinh phí, nguồn vốn đã đầu tư; phương án huy động vốn và cân đối vốn tiếp theo để đảm bảo duy trì ổn định hoạt động của trường trong giai đoạn 5 năm, bắt đầu từ khi trường được tuyển sinh khóa đầu tiên.

Đối với vốn góp có nhiều thành viên, hồ sơ cần có các văn bản cam kết, có minh chứng pháp lý đầy đủ của các thành viên và biên bản chấp nhận của Ban sáng lập trường đồng ý về việc góp vốn, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở của trường; tên và địa chỉ của người góp vốn; loại tài sản và số đơn vị tài sản góp vốn; tổng giá trị các tài sản góp vốn và tỷ lệ của tổng giá trị tài sản đó trong vốn điều lệ của trường; ngày giao, nhận; chữ ký của người góp vốn và người được các thành viên góp vốn cử làm đại diện chịu trách nhiệm trước pháp luật đứng tên xin thành lập trường. Vốn góp phải được nộp vào tài khoản của Ban quản lý dự án xây dựng trường.

Tài sản sử dụng để góp vốn phải được định giá cụ thể, chính xác theo quy định do cơ quan có thẩm quyền thực hiện và được tất cả các thành viên góp vốn nhất trí. Việc góp vốn chỉ được công nhận khi quyền sở hữu hợp pháp đối với vốn đóng góp đã được chuyển cho Ban Quản lý dự án xây dựng trường.

Đất đai, nhà ở được sử dụng để góp vốn phải có giấy chứng nhận hợp pháp, phải làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở cho nhà trường và phải hoàn thành trước khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở ngành và tuyển sinh đào tạo.

k) Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường và Quy chế chi tiêu nội bộ.

6. Quy trình ra quyết định thành lập trường cao đẳng

Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định Hồ sơ đề nghị ra quyết định thành lập trường cao đẳng của các tổ chức, cá nhân và thông báo kết quả xử lý, thẩm định hồ sơ cho chủ dự án đầu tư trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Việc thẩm định Hồ sơ đề nghị ra quyết định thành lập trường cao đẳng được tổ chức theo hình thức thành lập Hội đồng thẩm định. Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập có từ 7 đến 9 thành viên là đại diện lãnh đạo các bộ và cơ quan: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có trụ sở chính của trường. Đại diện lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo làm Chủ tịch hội đồng.

Hội đồng thẩm định có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, đánh giá toàn diện về Hồ sơ đề nghị ra quyết định thành lập trường cao đẳng, sự cần thiết và phù hợp của việc thành lập trường, tính hợp lệ của hồ sơ, tính khả thi của dự án, làm căn cứ báo cáo trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định thành lập trường hoặc thông báo kết quả thẩm định cho chủ đầu tư dự án trong trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện ra quyết định thành lập trường.

7. Thu hồi chủ trương thành lập và giải thể trường

a) Sau ba năm kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định về chủ trương đầu tư thành lập trường, nếu việc triển khai thực hiện dự án chưa hoàn thành theo kế hoạch đề ra, chủ dự án chưa trình được hồ sơ đề nghị ra quyết định thành lập trường cao đẳng, đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 5

của Điều này thì Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ xem xét ra văn bản hủy bỏ chủ trương đầu tư thành lập trường;

b) Sau 2 năm kể từ khi Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định thành lập trường, nếu trường không chuẩn bị đủ các điều kiện để đi vào hoạt động như mở ngành đào tạo, tuyển sinh thì Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ xem xét thu hồi quyết định thành lập trường.

Điều 12. Sáp nhập, chia, tách trường cao đẳng

1. Việc sáp nhập, chia, tách trường cao đẳng được thực hiện trên cơ sở bảo đảm các nguyên tắc sau:

- a) Phù hợp với quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng;
- b) Phục vụ và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, địa phương;
- c) Bảo đảm quyền lợi của cán bộ, giảng viên, viên chức và người học của trường;
- d) Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục đại học.

2. Hồ sơ sáp nhập, chia, tách trường cao đẳng bao gồm:

a) Công văn của cơ quan chủ quản (đối với trường công lập); công văn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trường tư thục) gửi tới Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sáp nhập, chia, tách trường trong đó nêu rõ lý do, mục đích của việc sáp nhập, chia tách trường cao đẳng; trụ sở chính của trường sau khi sáp nhập và trụ sở mới của trường sau khi chia tách;

b) Biên bản Đại hội cổ đông về việc sáp nhập trường (đối với trường tư thục);

c) Có dự án khả thi, trong đó làm rõ phương án sử dụng cán bộ, giảng viên và công nhân viên của trường; kế hoạch, thời gian dự kiến, lộ trình thực hiện việc sáp nhập, chia, tách; thủ tục và thời hạn chuyển đổi tài sản, chuyển đổi vốn góp, cổ phần.

3. Thủ tục sáp nhập, chia tách trường cao đẳng

Hồ sơ sáp nhập, chia, tách trường cao đẳng do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định trong thời gian 90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Điều 13. Đình chỉ hoạt động của trường cao đẳng

1. Việc đình chỉ hoạt động của trường cao đẳng được thực hiện theo hình thức có thời hạn hoặc không thời hạn tùy theo mức độ vi phạm một trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm các quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục ở mức độ phải đình chỉ;

b) Vì lý do khách quan nhà trường không thể bảo đảm hoạt động bình thường đáp ứng yêu cầu của trường cao đẳng.

2. Vụ Giáo dục Đại học và Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm đánh giá mức độ vi phạm và đề nghị Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá mức độ vi phạm làm căn cứ xem xét và ra quyết định hình thức đình chỉ hoạt động đối với trường cao đẳng.

3. Đối với việc đình chỉ hoạt động có thời hạn, sau khi đã khắc phục được hậu quả của các lỗi vi phạm dẫn đến việc bị đình chỉ thì Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định cho phép nhà trường tiếp tục hoạt động.

Điều 14. Giải thể trường cao đẳng

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định giải thể trường cao đẳng nếu trường vi phạm một trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm nghiêm trọng các quy định về quản lý và tổ chức hoạt động của trường cao đẳng;

b) Quyết định đình chỉ có thời hạn đã hết hiệu lực, nhưng vẫn không khắc phục được các hậu quả của các vi phạm dẫn đến việc đình chỉ nêu trên;

c) Mục tiêu và nội dung hoạt động của trường cao đẳng không còn phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;

d) Do yêu cầu sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học và cao đẳng cho phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế;

đ) Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường cao đẳng.

2. Hồ sơ giải thể trường cao đẳng bao gồm:

a) Công văn đề nghị của cơ quan chủ quản hoặc tổ chức, cá nhân thành lập trường cao đẳng trong đó nêu rõ lý do, mục đích giải thể trường;

b) Phương án giải thể trường cao đẳng, trong đó nêu rõ các biện pháp bảo đảm quyền lợi của giảng viên, cán bộ công nhân viên và người học; phương án giải quyết các khoản lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo quy định của pháp luật; phương án giải quyết tài sản của trường.

3. Thẩm định hồ sơ giải thể:

Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ thẩm định hồ sơ giải thể trường cao đẳng.

Việc giải thể trường cao đẳng cần làm rõ lý do, các biện pháp bảo đảm quyền lợi của giảng viên, cán bộ công nhân viên và người học; có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về phương án giải quyết các tài sản của trường, bảo đảm tính công khai minh bạch.

TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CHUYÊN GIA CÔNG NGHỆ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

Điều 15. Mục tiêu đào tạo trình độ cao đẳng

1. Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân; có khả năng tự học, kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm; có sức khoẻ đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Đào tạo người học có kiến thức chuyên môn vững vàng, kỹ năng thực hành cơ bản, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, chú trọng rèn luyện kỹ năng và năng lực thực hiện công tác chuyên môn, có khả năng tìm kiếm và tham gia sáng tạo việc làm.

Điều 16. Ngôn ngữ giảng dạy trong các trường cao đẳng

1. Tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức dùng trong các trường cao đẳng. Việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số, dạy bằng tiếng nước ngoài thực hiện theo quy định của các cấp có thẩm quyền.

2. Việc tổ chức dạy ngoại ngữ trong chương trình giáo dục phải phù hợp với quy định trong chương trình khung đã ban hành bảo đảm tính liên tục và hiệu quả cho người học.

Điều 17. Điều kiện mở ngành đào tạo

1. Số lượng giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 60% khối lượng chương trình tương ứng mỗi khối kiến thức của ngành đào tạo, trong đó có ít nhất 15% giảng viên có trình độ thạc sĩ. Cơ cấu trình độ chuyên môn của giảng viên và cán bộ nghiên cứu, kỹ thuật viên, nhân viên thí nghiệm, thực hành đáp ứng yêu cầu của hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2. Diện tích nhà đã xây dựng đưa vào sử dụng đạt bình quân tối thiểu là $9\text{m}^2/\text{sinh viên}$, trong đó diện tích học tập tối thiểu là $6\text{m}^2/\text{sinh viên}$, diện tích nhà ở và sinh hoạt của sinh viên tối thiểu là $3\text{m}^2/\text{sinh viên}$; có đủ phòng làm việc cho giảng viên, cán bộ của trường với diện tích tối thiểu là $8\text{m}^2/\text{người}$.

3. Có đủ giảng đường, phòng học, phòng chức năng phù hợp, đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo; phòng làm việc cho bộ máy hành chính theo cơ cấu tổ chức của trường để phục vụ công tác quản lý, đào tạo.

4. Có giáo trình, tài liệu, thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập theo yêu cầu của ngành đào tạo; có thư viện, cơ sở thí nghiệm, thực tập, thực hành và các cơ sở vật chất khác đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo và hoạt động khoa học công nghệ.

5. Có các công trình xây dựng phục vụ hoạt động giải trí, thể thao, văn hoá và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ, giảng viên và sinh viên.

6. Có hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo trong đó chứng minh sự cần thiết mở ngành đào tạo, nhu cầu nhân lực của ngành, địa phương; năng lực của trường đối với ngành đăng ký đào tạo; có chương trình đào tạo được phát triển từ chương trình khung do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành hoặc tham khảo chương trình đào tạo của các nước trong khu vực và trên thế giới với các ngành mới, trong

đó xác định rõ mục tiêu đào tạo, khung chương trình, kế hoạch đào tạo, mô tả vấn đề tất các môn học; nguồn kinh phí tổ chức đào tạo, danh sách và minh chứng về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất và các điều kiện đảm bảo chất lượng khác.

Điều 18. Chương trình đào tạo và giáo trình

1. Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng và giáo trình được phát triển theo hướng sau đây:

a) Chương trình đào tạo của trường phải được xây dựng, phát triển dựa trên chương trình khung đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận và ban hành;

b) Chương trình đào tạo phải được xây dựng theo hướng chuẩn hoá, hiện đại và hội nhập quốc tế; tiếp thu có chọn lọc những chương trình đào tạo của các nước phát triển, phù hợp với yêu cầu của đất nước, phục vụ thiết thực cho sự phát triển của ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương và đáp ứng nhu cầu xã hội;

c) Chương trình đào tạo phải đảm bảo tính liên thông dọc giữa các trình độ và liên thông ngang giữa các ngành, nhóm ngành, phù hợp với phương thức đào tạo, đảm bảo sự bình đẳng về cơ hội học tập, thuận lợi cho việc chuyển đổi nghề nghiệp cho người học;

d) Các chương trình bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và các chương trình nâng cao kiến thức khác phải thường xuyên cập nhật kiến thức mới, giới thiệu công nghệ mới, cho các đối tượng có nhu cầu học tập, nâng cao kiến thức theo đúng các quy định hiện hành.

2. Giáo trình các môn học, tài liệu giảng dạy và học tập của trường phải đảm bảo các điều kiện sau đây:

a) Được Hội đồng thẩm định giáo trình do Hiệu trưởng thành lập thẩm định, phê duyệt đối với cả giáo trình do trường biên soạn và giáo trình do trường lựa chọn, ít nhất là 5 năm một lần để áp dụng cho từng giai đoạn;

b) Phát triển hệ thống giáo trình điện tử, tài liệu, trang thiết bị dạy và học đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện chương trình đào tạo, phát huy tính tích cực, chủ động, năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học;

c) Hằng năm tổ chức rà soát, đánh giá các chương trình đào tạo của nhà trường để có những điều chỉnh cần thiết phù hợp với nhu cầu xã hội và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; thực hiện kiểm định chương trình đào tạo theo quy định.

Điều 19. Tuyển sinh

1. Trường cao đẳng chỉ được tuyển sinh và tổ chức đào tạo các ngành đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định giao nhiệm vụ đào tạo.

2. Căn cứ các tiêu chí về năng lực đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm các trường cao đẳng đăng ký số lượng tuyển sinh, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên xác nhận và phê duyệt chỉ tiêu đào tạo hàng năm.

3. Việc tổ chức tuyển sinh thực hiện theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng và các quy định hiện hành.

Điều 20. Đánh giá quá trình dạy và học

1. Đánh giá quá trình dạy và học nhằm xác định kết quả học tập, rèn luyện tu dưỡng của người học, đánh giá mức độ đạt được so với mục tiêu của từng môn học, ngành học; đánh giá quá trình đào tạo của trường và hoạt động giảng dạy của giảng viên.

2. Các trường lựa chọn phương pháp, quy trình đánh giá thích hợp, đảm bảo tính khách quan, liên tục trong quá trình đào tạo, phù hợp với phương thức đào tạo và hình thức học tập, xác định được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và khả năng phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành đào tạo.

3. Kết thúc mỗi môn học, khóa học, nhà trường tổ chức lấy ý kiến đánh giá của sinh viên cho từng môn học, khóa học về nội dung, lịch trình và phương pháp giảng dạy của giảng viên, thường xuyên cải thiện và nâng cao chất lượng đào tạo.

Điều 21. Văn bằng, chứng chỉ

1. Trường cao đẳng cấp văn bằng tốt nghiệp hoặc chứng chỉ cho những người đã hoàn thành khoá học, chương trình đào tạo hoặc khoá bồi dưỡng chuyên môn, nghề nghiệp tại trường.

2. Trường cao đẳng chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và giá trị văn bằng, chứng chỉ do trường cấp; thực hiện các quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục cấp văn bằng chứng chỉ; quản lý cấp phát, thu hồi, huỷ bỏ văn bằng, chứng chỉ; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của Quy chế văn bằng chứng chỉ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 22. Kiểm định chất lượng giáo dục

1. Kiểm định chất lượng giáo dục bao gồm: kiểm định chương trình đào tạo và kiểm định trường cao đẳng.

2. Trường cao đẳng phải lập kế hoạch phấn đấu đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cho từng giai đoạn; tự đánh giá chất lượng chương trình và hoạt động đào tạo của nhà trường và đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

3. Trường cao đẳng tham gia xây dựng các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục; thực hiện các quy trình kiểm định chất lượng và công khai kết quả kiểm định chất lượng theo quy định của các cơ quan có thẩm quyền.

4. Kết quả kiểm định chương trình đào tạo, kiểm định trường cao đẳng là căn cứ để công nhận chương trình đào tạo, trường cao đẳng đạt tiêu chuẩn chất lượng và được công bố công khai để xã hội biết và giám sát.

5. Trường cao đẳng có quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi, kết luận và quyết định của tổ chức, cá nhân thực

hiện nhiệm vụ kiểm định chất lượng có hành vi, kết luận, quyết định không đúng, trái pháp luật.

Điều 23. Tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ

1. Trường cao đẳng tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, dịch vụ tư vấn khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực ngành nghề đào tạo của trường và theo các quy định của Luật Khoa học và Công nghệ.

2. Thành lập các trung tâm nghiên cứu và phát triển, các cơ sở sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý hệ thống thông tin tư liệu, phát hành tập san, tạp chí và các ấn phẩm khoa học, giáo trình, tài liệu phục vụ cho các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ theo đúng các quy định hiện hành.

3. Hợp tác khoa học và công nghệ với nước ngoài và các tổ chức quốc tế theo quy định của pháp luật, tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của người học.

4. Xây dựng kế hoạch hàng năm, kế hoạch trung hạn và dài hạn về hoạt động khoa học và công nghệ của trường, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 24. Tổ chức các hoạt động hợp tác quốc tế

1. Trường cao đẳng chủ động thiết lập các mối quan hệ hợp tác, ký kết các thoả thuận về đào tạo, khoa học và công nghệ với các trường đại học, cao đẳng, các tổ chức giáo dục, khoa học và công nghệ của nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

2. Chủ động thu hút các nguồn tài chính nước ngoài hỗ trợ trực tiếp cho trường và xây dựng các dự án có vốn đầu tư nước ngoài trình cơ quan có thẩm quyền quyết định; huy động nguồn lực để thực hiện tốt các thoả thuận, các dự án quốc tế phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Tổ chức và tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế về học thuật ở trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia các tổ chức quốc tế về giáo dục, khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

5. Quảng bá rộng rãi các hoạt động quan hệ hợp tác quốc tế của nhà trường; thiết lập liên kết thư viện điện tử với các trường cao đẳng có uy tín trong khu vực và trên thế giới để trao đổi các thông tin, tài liệu và giáo trình điện tử.

Điều 25. Hợp tác về giáo dục với nước ngoài

Các trường được hợp tác về giáo dục với nước ngoài, cụ thể như sau:

1. Hợp tác với các cá nhân, tổ chức giáo dục nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài trong việc tổ chức đào tạo, giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học theo quy định của Pháp luật.

2. Khuyến khích và tạo điều kiện để giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên và sinh viên ra nước ngoài học tập, thực tập, giảng dạy, nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm, học thuật theo các chương trình của nhà trường hoặc tự túc hoặc bằng kinh phí do tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài tài trợ.

3. Chủ động trong việc hợp tác với các trường cao đẳng có uy tín trên thế giới trong việc phát triển chương trình đào tạo, triển khai các chương trình thí điểm và liên kết đào tạo khi được cấp thẩm quyền phê duyệt.

4. Mời giảng viên, nhà khoa học và chuyên gia nước ngoài đến trao đổi kinh nghiệm, tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại trường.

5. Thu hút và ký kết hợp đồng đào tạo đối với sinh viên nước ngoài sang học tập tại trường; chủ động tạo nguồn học bổng từ các đối tác nước ngoài để cử giảng viên, cán bộ quản lý, sinh viên đi đào tạo.

Chương IV

TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ VÀ NHÂN VIÊN

Điều 26. Tiêu chuẩn của giảng viên, cán bộ và nhân viên

1. Giảng viên trường cao đẳng phải có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; có trình độ chuyên môn, sức khoẻ tốt, lý lịch bản thân rõ ràng.

2. Giảng viên các trường cao đẳng phải có trình độ từ đại học trở lên phù hợp với các môn học của ngành đào tạo. Ưu tiên tuyển chọn sinh viên tốt nghiệp đại học loại khá, giỏi và người có trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ có kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, có nguyện vọng trở thành giảng viên. Những người tốt nghiệp các ngành ngoài sư phạm phải có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm.

4. Tiêu chuẩn cụ thể của cán bộ và nhân viên các đơn vị trong trường cao đẳng do Hiệu trưởng quy định.

Điều 27. Nhiệm vụ của giảng viên, cán bộ và nhân viên

1. Giảng viên, cán bộ, nhân viên trường cao đẳng phải nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế tổ chức hoạt động của trường và các quy định khác do Hiệu trưởng ban hành.

2. Giảng viên trường cao đẳng phải thực hiện các nhiệm vụ cụ thể dưới đây:

a) Giảng dạy theo đúng nội dung, chương trình đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhà trường quy định; viết giáo trình, phát triển tài liệu phục vụ giảng dạy học tập theo sự phân công của trường, khoa, bộ môn;

b) Chịu sự giám sát của các cấp quản lý về chất lượng, nội dung, phương pháp giảng dạy và nghiên cứu khoa học;

c) Tham gia hoặc chủ trì các đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng chuyên giao công nghệ theo sự phân công của trường, khoa, bộ môn;

d) Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người học, hướng dẫn người học trong học tập, nghiên cứu khoa học, rèn luyện tư tưởng, đạo đức tác phong, lối sống;

đ) Không ngừng tự bồi dưỡng nghiệp vụ, cải tiến phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo;

e) Hoàn thành tốt các công tác khác được trường, khoa, bộ môn giao.

3. Nhiệm vụ cụ thể của cán bộ, nhân viên các đơn vị trong trường cao đẳng do Hiệu trưởng quy định.

Điều 28. Quyền của giảng viên, cán bộ và nhân viên

1. Được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần theo các chế độ chính sách quy định cho nhà giáo, cán bộ và nhân viên; được hưởng các chế độ nghỉ lễ theo quy định của Nhà nước và được nghỉ hè, nghỉ Tết, nghỉ học kỳ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Được tham gia nghiên cứu khoa học, đào tạo và bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được thi nâng bậc, chuyển ngạch giảng viên, và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Được Nhà nước xét tặng các danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” và các danh hiệu thi đua khác.

4. Giảng viên có quyền đề nghị bố trí giảng dạy đúng chuyên môn đã được đào tạo, xác định nội dung các giáo trình giảng dạy phù hợp với quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Giảng viên có quyền lựa chọn phương pháp và phương tiện giảng dạy thích hợp nhằm phát huy tối đa năng lực cá nhân, bảo đảm chất lượng và hiệu quả đào tạo.

6. Được ký hợp đồng giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục, nghiên cứu khoa học ngoài trường theo quy định của Luật Lao động, Quy chế thỉnh giảng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và Quy chế tổ chức, hoạt động của trường.

Điều 29. Giảng viên, cán bộ và nhân viên làm việc theo hợp đồng.

1. Giảng viên, cán bộ và nhân viên làm việc theo hợp đồng dài hạn phải đảm bảo các tiêu chuẩn, có nhiệm vụ và quyền như giảng viên, cán bộ, nhân viên cơ hữu của trường.

2. Cán bộ, nhân viên được tuyển dụng làm việc ngắn hạn phù hợp với quy định của pháp luật được hưởng lương theo chế độ do nhà trường quy định, đảm bảo mức lương tối thiểu theo quy định của Nhà nước; được nhà trường đóng bảo hiểm y

tế, bảo hiểm xã hội và các chế độ khác theo quy định của pháp luật trong thời gian làm việc tại trường.

Chương V

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA NGƯỜI HỌC

Điều 30. Đối tượng dự tuyển vào trường cao đẳng

Công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài có đủ điều kiện quy định theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đều được đăng ký dự tuyển vào trường cao đẳng.

Điều 31. Nhiệm vụ và quyền của người học

1. Nhiệm vụ của người học:

a) Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo của nhà trường;

b) Tôn trọng giảng viên, cán bộ và nhân viên của nhà trường; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện nội quy, điều lệ nhà trường; chấp hành pháp luật của Nhà nước;

c) Thực hiện nghĩa vụ đóng học phí theo quy định hiện hành của Nhà nước;

d) Tham gia sinh hoạt lớp, sinh hoạt đoàn thể, lao động công ích và các hoạt động phục vụ xã hội;

đ) Giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường;

e) Người học theo chế độ cử tuyển phải chấp hành sự điều động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cử đi học, nếu không chấp hành phải bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo theo quy định của Nhà nước;

g) Người học được hưởng học bổng, chi phí đào tạo do Nhà nước cấp hoặc do nước ngoài tài trợ theo hiệp định ký kết với Nhà nước thì sau khi tốt nghiệp phải chấp hành sự điều động làm việc có thời hạn của Nhà nước. Trường hợp không chấp hành thì phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo; thời gian làm việc theo sự điều động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thời gian chờ phân công công tác và mức bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

2. Quyền của người học:

a) Được nhà trường tôn trọng và đối xử bình đẳng, được cung cấp đầy đủ thông tin về việc học tập, rèn luyện của mình;

b) Được hưởng các chế độ chính sách theo các quy định hiện hành của Nhà nước; được nhà trường tạo điều kiện trong học tập, hoạt động khoa học và công nghệ, tham gia các hội nghị khoa học, công bố các công trình khoa học và công nghệ trong các ấn phẩm của trường;

c) Được cấp văn bằng, chứng chỉ sau khi tốt nghiệp theo quy định;

d) Người học thuộc diện cử tuyển, con em các dân tộc ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, diện chính sách xã hội và các gia đình nghèo được cấp học bổng, trợ cấp, miễn giảm học phí, được hưởng các ưu đãi từ tín dụng giáo dục, quỹ khuyến học và quỹ bảo trợ giáo dục theo quy định của Nhà nước;

đ) Sinh viên xuất sắc và có đạo đức tốt được hưởng các điều kiện ưu tiên trong học tập và nghiên cứu khoa học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được hưởng chính sách ưu tiên của Nhà nước trong tuyển dụng vào các cơ quan nhà nước;

e) Được tham gia hoạt động của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong nhà trường, cơ sở giáo dục khác theo quy định của pháp luật;

g) Được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể dục, thể thao của nhà trường, cơ sở giáo dục khác;

h) Được trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp của mình kiến nghị với nhà trường các giải pháp góp phần xây dựng nhà trường, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người học.

Chương VI

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ TRƯỜNG CAO ĐẲNG

Điều 32. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của trường cao đẳng bao gồm:

1. Hội đồng Trường hoặc Hội đồng Quản trị (đối với trường tư thục);
2. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;
3. Ban kiểm soát (đối với trường tư thục);
4. Hội đồng khoa học và đào tạo và các Hội đồng tư vấn khác;
5. Các phòng ban chức năng;
6. Các khoa và bộ môn trực thuộc;
7. Các bộ môn thuộc khoa;
8. Các tổ chức nghiên cứu và phát triển;
9. Các cơ sở phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học;
10. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam;
11. Các đoàn thể và tổ chức xã hội.

Điều 33. Hội đồng Trường

1. Hội đồng Trường (đối với trường công lập) là tổ chức chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã

hội, bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục. Hội đồng Trường phải được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Trường:

a) Quyết nghị về mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển của trường bao gồm dự án quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn và dài hạn;

b) Quyết nghị về dự thảo quy chế mới hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của trường; xem xét phê chuẩn các kiến nghị liên quan đến việc thành lập, hoặc đình chỉ các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo trước khi Hiệu trưởng quyết định hoặc đề nghị cơ quan quản lý nhà nước phê duyệt;

c) Tổ chức lấy phiếu tín nhiệm giới thiệu cơ quan quản lý có thẩm quyền những người có đủ khả năng làm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng; lấy phiếu tín nhiệm đột xuất hoặc giữa nhiệm kỳ, đề xuất miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc cách chức đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng; quyết định những vấn đề tổ chức, nhân sự của nhà trường;

d) Thông qua danh sách Hội đồng Khoa học và Đào tạo và các hội đồng tư vấn khác;

đ) Quyết nghị chính sách tài chính, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị từ các nguồn kinh phí của trường; chính sách về hoạt động khoa học và công nghệ của trường;

e) Chịu trách nhiệm giải trình trước xã hội về các hoạt động của nhà trường; xây dựng chính sách, cơ chế nâng cao tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của trường cao đẳng;

g) Ban hành các quy định về hoạt động của Hội đồng Trường;

h) Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước cấp trên định kỳ hoặc đột xuất.

3. Hội đồng Trường có số thành viên là một số lẻ, tối thiểu là 11 người, tối đa là 15 người, bao gồm các thành viên đương nhiên, thành viên cử và thành viên bầu:

a) Thành viên đương nhiên là Hiệu trưởng, Bí thư đảng ủy và Chủ tịch công đoàn trường;

b) Các thành viên cử là đại diện của cơ quan quản lý nhà nước, cựu sinh viên, giới tuyển dụng, các nhà khoa học, các chuyên gia quản lý và phát triển giáo dục, các doanh nghiệp;

c) Các thành viên bầu là đại diện cho tập thể giảng viên, cán bộ quản lý, các tổ chức chính trị - xã hội trong trường và đại diện của sinh viên từ năm thứ 2 trở lên;

d) Tỷ lệ thành viên cử và thành viên bầu được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

4. Nhiệm kỳ của các thành viên: các thành viên đương nhiên theo nhiệm kỳ chức vụ, các thành viên khác có nhiệm kỳ từ 1 đến 5 năm theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước đối với những thành viên ngoài trường. Hằng năm, Hội đồng Trường tổ chức bầu bổ sung các thành viên là cán bộ, giảng viên không còn công tác, sinh viên đã ra trường để đảm bảo Hội đồng Trường luôn hoạt động ổn định ngay cả khi chuyển giao nhiệm kỳ của Hiệu trưởng, những vị trí khuyết, thiếu được xem xét bổ sung tại các phiên họp của Hội đồng Trường.

5. Hội đồng Trường họp ít nhất 1 lần trong một học kỳ, bao gồm các cuộc họp thường kỳ và cuộc họp bất thường; cuộc họp được coi là họp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự; các quyết nghị của Hội đồng Trường chỉ có giá trị khi có quá nửa tổng số thành viên Hội đồng nhất trí.

6. Các trường xây dựng quy chế hoạt động; quy trình bầu cử, chỉ định, công nhận các thành viên Hội đồng Trường; tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên Hội đồng, trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

Điều 34. Chủ tịch Hội đồng Trường

1. Chủ tịch Hội đồng Trường là chuyên trách, không thuộc Ban Giám hiệu và do các thành viên của Hội đồng Trường bầu theo nguyên tắc đa số phiếu và được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

2. Chủ tịch Hội đồng Trường phải là người có kinh nghiệm giảng dạy, quản lý trong các trường đại học và cao đẳng, có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ từ thạc sĩ trở lên.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Trường:

- a) Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Trường;
- b) Chủ trì chuẩn bị chương trình, nội dung các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng Trường;
- c) Tổ chức việc thông qua quyết nghị của Hội đồng Trường;
- d) Chỉ đạo việc thực hiện các quyết nghị của Hội đồng Trường sau khi được thông qua;
- đ) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều 6, Điều 7 của Điều lệ này và Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

5. Chủ tịch Hội đồng Trường được quyền sử dụng bộ máy tổ chức và con dấu của trường để hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Trường. Các văn bản, quyết nghị của Hội đồng Trường do Chủ tịch Hội đồng Trường ký.

6. Trong quá trình hoạt động, nếu Chủ tịch Hội đồng Trường có hành vi phạm pháp luật bị truy cứu trách nhiệm hình sự, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định chấm dứt hiệu lực Quyết định công nhận Chủ tịch Hội đồng Trường.

Điều 35. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và cổ đông phổ thông. Cổ đông phổ thông không có quyền biểu quyết, nhưng có quyền tham gia ý kiến trong các cuộc họp.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

a) Xác định mục tiêu, phương hướng xây dựng và phát triển trường; kế hoạch thực hiện hàng năm, từng giai đoạn; việc mở rộng, thay đổi, điều chỉnh ngành nghề, quy mô và trình độ đào tạo, định hướng hoạt động khoa học và công nghệ gắn với chiến lược phát triển của trường;

b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban kiểm soát của trường; giải quyết các yêu cầu về việc bổ sung, thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị.

c) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của trường;

d) Thông qua quy định về vốn có quyền biểu quyết và các quy định nội bộ khác của trường như về tiêu chuẩn lựa chọn Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Hiệu trưởng;

đ) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động của trường.

3. Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp thường niên bắt buộc mỗi năm một lần hoặc họp đột xuất theo quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc theo yêu cầu của cổ đông sở hữu liên tục 6 tháng trở lên trên 30 % số cổ phần phổ thông hiện có của trường.

Trong trường Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng Quy chế tổ chức và hoạt động của trường thì Ban kiểm soát được quyền triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông báo cho Hội đồng Quản trị biết.

Mọi chi phí cho việc triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông được tính trong kinh phí hoạt động của nhà trường.

Việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thực hiện theo hình thức gửi giấy mời họp kèm theo dự kiến chương trình, nội dung cuộc họp và các tài liệu có liên quan đến tất cả cổ đông trong Đại hội đồng trước ít nhất là 7 ngày so với ngày họp.

4. Cuộc họp Đại hội đồng được coi là tiến hành hợp lệ khi có từ 51% trở lên số cổ đông có quyền biểu quyết tham gia dự họp. Tỷ lệ cụ thể của từng trường được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường nhưng không thấp hơn tỷ lệ này.

5. Nội dung các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi bằng biên bản, thông qua ngay tại cuộc họp, có chữ ký của người chủ trì và thư ký cuộc họp để lưu trữ. Việc thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được coi là có giá trị hiệu lực khi có trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

Điều 36. Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan đại diện duy nhất cho quyền sở hữu của trường cao đẳng tư thục; chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và có quyền quyết định những vấn đề về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản, quy hoạch, kế hoạch và phương hướng đầu tư phát triển của trường phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông của trường cao đẳng tư thục bầu và được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định công nhận. Hội đồng Quản trị có từ 3 đến 11 thành viên gồm Chủ tịch hội đồng; Phó Chủ tịch hội đồng (nếu cần thiết) và các thành viên. Hội đồng Quản trị phải có ít nhất 2/3 số thành viên có trình độ đại học trở lên.

Thành viên Hội đồng Quản trị là những người đại diện cho các tổ chức hoặc cá nhân có số lượng cổ phần đóng góp ở mức cần thiết theo đúng quy định của trường.

Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 5 năm tính từ ngày ban hành quyết định công nhận của cơ quan có thẩm quyền.

3. Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đầu tiên của trường được thành lập trên cơ sở đề cử nhân sự của các thành viên sáng lập trường và bầu theo nguyên tắc bỏ phiếu kín. Từ nhiệm kỳ thứ hai, việc thành lập Hội đồng Quản trị bắt buộc phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng Quản trị họp thường kỳ ba tháng một lần. Trường họp cần thiết Hội đồng Quản trị có thể họp bất thường do Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định, nhưng phải được ít nhất 1/3 số thành viên Hội đồng Quản trị đồng ý. Nghị quyết của Hội đồng Quản trị được thông qua bằng hình thức biểu quyết công khai. Quyết định có hiệu lực của Hội đồng Quản trị là những nội dung nhận được quá nửa số thành viên Hội đồng Quản trị biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

5. Việc bổ sung, thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo hình thức bỏ phiếu kín. Trường hợp số thành viên của Hội đồng Quản trị giảm quá 1/3 so với số lượng quy định của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày có số thành viên của Hội đồng Quản trị giảm quá quy định nêu trên.

6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

a) Miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau đây:

- Vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nghiêm trọng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Bị chết hoặc bị hạn chế năng lực về hành vi dân sự;

- Tự nguyện từ chức;

- Không đủ sức khoẻ để thực hiện các công việc đang đảm nhiệm;

- Các trường hợp khác do Quy chế tổ chức và hoạt động của trường qui định.

b) Bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng, nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Vi phạm Quy chế tổ chức và hoạt động của trường một cách nghiêm trọng bị Hội đồng cổ đông đề nghị bãi nhiệm.

7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị

a) Xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, thông qua Đại hội đồng cổ đông đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận; kiến nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, sửa đổi, bổ sung các Quy chế, quy định của trường khi cần thiết hoặc kiến nghị việc bổ sung, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của Hội đồng Quản trị;

b) Xây dựng định hướng chiến lược phát triển và chỉ đạo tổ chức, hoạt động của trường để trình Đại hội đồng cổ đông tại các kỳ họp. Xây dựng và ban hành các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức thu, chi tài chính của trường phù hợp với quy định của pháp luật và chế độ quản lý tài chính;

c) Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông. Huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng trường, phê duyệt dự toán, quyết toán tài chính hàng năm và giám sát việc quản lý sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường;

d) Phê duyệt miễn nhiệm, bãi nhiệm các Phó Hiệu trưởng; đề xuất với cấp có thẩm quyền công nhận, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hiệu trưởng, Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định;

đ) Phê duyệt phương án chung về tổ chức bộ máy, biên chế và những vấn đề có liên quan đến tổ chức, nhân sự của trường trên cơ sở đề xuất của Hiệu trưởng;

e) Xác định những nguyên tắc giải quyết cơ bản về công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, dịch vụ, xây dựng cơ sở vật chất, đối ngoại của nhà trường hàng năm và từng giai đoạn;

g) Giám sát công tác lãnh đạo, điều hành của Hiệu trưởng và Ban giám hiệu để bảo đảm cho mọi hoạt động của trường được triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; tuân thủ các quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị;

h) Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường kỳ hoặc bất thường theo quy định.

Điều 37. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát gồm những người đại diện cho các tổ chức cổ đông hoặc cá nhân có số lượng cổ phần đáp ứng theo quy định của trường, do Đại hội đồng cổ đông bầu, có từ 3 đến 5 thành viên, trong đó có ít nhất một thành viên có chuyên

môn về kế toán. Trưởng Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông của trường bầu trực tiếp.

2. Thành viên của Ban Kiểm soát phải là người có quốc tịch Việt Nam; không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Hiệu trưởng, Kế toán trưởng (hoặc trưởng phòng tài vụ); cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của thành viên Hội đồng quản trị, Hiệu trưởng, kế toán trưởng của trường.

3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

4. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

a) Giám sát, kiểm tra các hoạt động của nhà trường; của Hội đồng Quản trị, Hiệu trưởng, Ban giám hiệu và các tổ chức, đơn vị trong trường;

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành các hoạt động của trường, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính;

c) Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của trường; kiểm tra cụ thể các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động của trường;

d) Định kỳ thông báo với Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động của mình và nội dung các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban trước khi chính thức trình thông qua Đại hội đồng cổ đông;

đ) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả giám sát các hoạt động của nhà trường tại các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và cán bộ, giảng viên, nhân viên cơ hữu của trường về báo cáo và hoạt động của mình;

e) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

g) Được quyền kiến nghị về những vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động của trường với các cơ quan quản lý có thẩm quyền; được quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Hội đồng Quản trị, Hiệu trưởng và các cán bộ quản lý khác của trường cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết liên quan trong quá trình thực thi các nhiệm vụ được giao.

h) Mọi hoạt động của Ban kiểm soát phải được thực hiện không gây cản trở, gián đoạn đến các hoạt động của Hội đồng Quản trị và nhà trường.

Điều 38. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đứng đầu của Hội đồng Quản trị; do Hội đồng Quản trị bầu và được Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định công nhận. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có trình độ đại học trở lên, được kiêm nhiệm giữ chức Hiệu trưởng nếu có đủ các các tiêu chuẩn quy định đối với nhà giáo và Hiệu trưởng trường cao đẳng.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có những quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Chủ trì chỉ đạo, điều hành hoạt động của Hội đồng Quản trị. Có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cho chủ tọa cuộc họp của

Hội đồng Quản trị; có quyền triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị; là người chịu trách nhiệm chính về các quyết nghị và việc thực hiện các quyết nghị của Hội đồng Quản trị;

b) Trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định công nhận Hiệu trưởng của trường. Phê duyệt quyết định bổ nhiệm các Phó Hiệu trưởng của trường trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Quản trị và ý kiến thông qua của Đại hội đồng cổ đông;

c) Trường hợp cần thiết, được quyền ký quyết định cử Hiệu trưởng tạm quyền điều hành hoạt động của nhà trường trong thời gian không quá 01 tháng để tiến hành việc cử Hiệu trưởng theo quy định;

d) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường;

e) Được quyền sử dụng bộ máy tổ chức và con dấu của trường để hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị và ký các văn bản, quyết định của Hội đồng Quản trị.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt trong thời gian quy định của trường cao đẳng tư thục thì phải ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (nếu có) hoặc cho một trong số các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị đảm nhận trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong thời gian vắng mặt. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản và được thông báo công khai, đồng thời báo cáo cơ quan quản lý giáo dục và địa phương có thẩm quyền quản lý. Thời gian ủy quyền là không quá 6 tháng và không được áp dụng việc ủy quyền hai lần liên tiếp.

Trường cao đẳng tư thục được áp dụng chế độ cử Quyền Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Việc bầu và công nhận Quyền Chủ tịch Hội đồng Quản trị được thực hiện theo nguyên tắc như bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Thời gian công nhận Quyền Chủ tịch Hội đồng Quản trị là không quá 6 tháng, kể từ ngày ban hành quyết định công nhận và không được áp dụng thực hiện hai lần công nhận liên tiếp đối với một cá nhân.

Điều 39. Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng là người đại diện theo pháp luật của nhà trường; chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý và điều hành các hoạt động của nhà trường theo các quy định của pháp luật, Điều lệ trường cao đẳng, các quy chế, quy định đã được cơ quan quản lý nhà nước phê duyệt.

2. Hiệu trưởng trường cao đẳng phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có uy tín, đã qua giảng dạy hoặc tham gia quản lý giáo dục đại học, cao đẳng ít nhất là 5 năm;

b) Có học vị từ thạc sĩ trở lên;

c) Có đủ sức khoẻ để hoàn thành nhiệm vụ;

d) Tuổi khi bổ nhiệm Hiệu trưởng đối với trường cao đẳng công lập không quá 55 đối với nam và không quá 50 đối với nữ, tuổi bổ nhiệm Hiệu trưởng trường tư thục không hạn chế. Trường hợp đặc biệt, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thống nhất với Bộ Giáo dục và Đào tạo để quyết định.

Điều 40. Quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng

1. Tổ chức xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, lấy ý kiến thông qua của Hội đồng Trường (đối với trường công lập) Hội đồng Quản trị (đối với trường tư thục), gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, công nhận.

2. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của trường cao đẳng được quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8; các quyết nghị, kết luận của Hội đồng Trường (đối với trường công lập), Hội đồng Quản trị (đối với trường tư thục) được quy định tại Điều 33 và Điều 36 của Điều lệ này.

3. Hiệu trưởng trường cao đẳng công lập có trách nhiệm lập kế hoạch dài hạn và kế hoạch hoạt động hàng năm; thông qua Hội đồng Trường trình cơ quan quản lý nhà nước phê duyệt dự toán và quyết toán ngân sách hàng năm; tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính đã được cơ quan quản lý nhà nước phê duyệt; quản lý tài chính, tài sản và các hoạt động của trường; quyết định sử dụng nguồn vốn vào công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh, xây dựng và phát triển trường theo kế hoạch đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Hiệu trưởng trường cao đẳng tư thục có trách nhiệm xây dựng kế hoạch dài hạn và kế hoạch tài chính hàng năm, Quy chế chi tiêu nội bộ trình Hội đồng Quản trị phê duyệt và tổ chức thực hiện. Thực hiện công khai kế hoạch và kết quả thực hiện.

5. Quản lý giảng viên, cán bộ, nhân viên và sinh viên; quyết định bổ nhiệm các chức vụ từ Trưởng khoa, Trưởng phòng hoặc tương đương trở xuống; thực hiện những công việc thuộc thẩm quyền trong tuyển dụng giảng viên, cán bộ, nhân viên và ký kết các hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

6. Khai thác, quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo, phát triển trường và đảm bảo chất lượng, hiệu quả đào tạo, nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh.

7. Hiệu trưởng là chủ tài khoản của trường, chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ công tác quản lý tài chính và tài sản của đơn vị.

8. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc quản lý tài chính, tài sản và các quy định của Nhà nước về lao động - tiền lương, tiền công, học bổng, học phí, trợ cấp xã hội, các chế độ chính sách đối với giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học của trường.

9. Quyết định mức chi phí quản lý, chi nghiệp vụ trong phạm vi nguồn tài chính được sử dụng, tùy theo nội dung và hiệu quả công việc được quy định tại Điều 52 và Điều 53 của Điều lệ này.

10. Tổ chức các hoạt động khoa học và công nghệ, sản xuất và cung ứng dịch vụ, nhận tài trợ và tiếp nhận viện trợ của nước ngoài theo quy định của pháp luật để bổ sung kinh phí hoạt động và đầu tư phát triển nhà trường.

11. Bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức Đảng trong nhà trường. Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các đoàn thể, tổ chức xã hội trong các hoạt động của trường.

12. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội trong nhà trường.

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Thủ tục bổ nhiệm, công nhận, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại (đối với trường công lập), được công nhận, công nhận lại (đối với trường tư thục) theo nhiệm kỳ, mỗi nhiệm kỳ 5 năm và không giữ quá hai nhiệm kỳ liên tiếp; miễn nhiệm khi hết nhiệm kỳ hoặc có lý do chính đáng; bãi nhiệm, cách chức nếu có hành vi vi phạm pháp luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, thiếu năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ.

2. Cá nhân, người được Hội đồng Trường (đối với trường công lập), Hội đồng Quản trị (đối với trường tư thục) giới thiệu, có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 39 của Điều lệ này có quyền đăng ký vào vị trí Hiệu trưởng các trường cao đẳng.

3. Căn cứ tiêu chuẩn năng lực; kết quả thăm dò và đề nghị của Hội đồng Trường (đối với trường công lập), Hội đồng Quản trị (đối với trường tư thục) Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước bổ nhiệm Hiệu trưởng trường cao đẳng công lập; công nhận Hiệu trưởng các trường cao đẳng tư thục.

4. Trong quá trình hoạt động, Hội đồng Trường (đối với trường công lập), Hội đồng Quản trị (đối với trường tư thục) có thể tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đánh giá, miễn nhiệm, cách chức Hiệu trưởng, giới thiệu Hiệu trưởng mới đề nghị cơ quan quản lý có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm hoặc công nhận.

Điều 42. Phó Hiệu trưởng trường cao đẳng

1. Phó Hiệu trưởng trường cao đẳng phải có học vị từ thạc sĩ trở lên, có đủ sức khỏe. Tuổi bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng trường cao đẳng công lập không quá 55 đối với nam và không quá 50 đối với nữ, tuổi bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng trường tư thục không hạn chế. Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo và nghiên cứu khoa học phải có đủ tiêu chuẩn như Hiệu trưởng. Trường hợp đặc biệt, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thống nhất với Bộ Giáo dục và Đào tạo để quyết định.

2. Phó Hiệu trưởng có những nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của trường; trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác theo sự phân công của Hiệu trưởng và giải quyết các công việc do Hiệu trưởng giao;

b) Khi giải quyết công việc được Hiệu trưởng giao, Phó Hiệu trưởng thay mặt Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về kết quả công việc được giao.

3. Nhiệm kỳ của Phó Hiệu trưởng theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng và có thể được bổ nhiệm lại.

4. Trong quá trình hoạt động, Hiệu trưởng đề nghị, Hội đồng Trường (đối với trường công lập), Hội đồng Quản trị (đối với trường tư thục) tổ chức lấy phiếu đánh giá miễn nhiệm, cách chức Phó hiệu trưởng và lấy phiếu tín nhiệm giới thiệu Phó Hiệu trưởng mới, đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ra quyết định bổ nhiệm.

Điều 43. Hội đồng Khoa học và Đào tạo

1. Hội đồng Khoa học và Đào tạo là tổ chức tư vấn cho Hiệu trưởng về:

a) Mục tiêu, chương trình đào tạo; kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ của trường;

b) Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên.

2. Các thành viên Hội đồng khoa học và đào tạo của trường được quyền kiến nghị về kế hoạch và nội dung công việc của Hội đồng.

3. Hội đồng Khoa học và Đào tạo của trường cao đẳng gồm: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, các Trưởng khoa, một số Trưởng phòng, Giám đốc trung tâm, một số Trưởng bộ môn, giảng viên, cán bộ hoạt động khoa học – công nghệ của trường, một số nhà khoa học và đại diện một số tổ chức kinh tế- xã hội ở ngoài trường cao đẳng.

4. Hội đồng Trường (đối với trường công lập), Hội đồng Quản trị (đối với trường tư thục) giới thiệu thành viên và tổ chức bầu thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường. Các thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo bầu Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Giáo dục theo nguyên tắc đa số phiếu. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo. Nhiệm kỳ của Hội đồng Khoa học và Đào tạo theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng.

5. Hội đồng Khoa học và Đào tạo họp ít nhất 6 tháng một lần và do Chủ tịch Hội đồng triệu tập.

Điều 44. Hội đồng tư vấn khác

Các Hội đồng tư vấn khác được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng. Nhiệm vụ, quyền hạn, thời gian hoạt động, cơ cấu, thành viên của các Hội đồng tư vấn do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 45. Các phòng chức năng

1. Căn cứ vào tính chất, đặc điểm, nhiệm vụ và khối lượng công việc của trường, Hiệu trưởng quyết định thành lập các phòng chức năng theo cơ cấu đã được phê duyệt, thực hiện công việc chủ yếu: hành chính tổng hợp, tổ chức cán bộ, đào

tạo, khoa học và công nghệ, kế hoạch - tài chính, quan hệ quốc tế, công tác sinh viên, thanh tra, khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Các phòng chức năng có các nhiệm vụ sau đây:

a) Tham mưu, tổng hợp, đề xuất ý kiến, giúp Hiệu trưởng tổ chức quản lý và thực hiện các mặt công tác của trường;

b) Quản lý cán bộ, nhân viên của đơn vị mình theo sự phân cấp của Hiệu trưởng.

3. Đứng đầu các phòng là Trưởng phòng do Hiệu trưởng bổ nhiệm và miễn nhiệm. Giúp việc cho Trưởng phòng có các phó Trưởng phòng do Hiệu trưởng bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng phòng. Tuổi khi bổ nhiệm Trưởng phòng, phó Trưởng phòng đối với các trường cao đẳng công lập không quá 55 tuổi đối với nam và không quá 50 tuổi đối với nữ, đối với trường trường tư thục không hạn chế.

Điều 46. Các khoa và bộ môn trực thuộc trường

1. Khoa là đơn vị quản lý chuyên môn của trường, có các nhiệm vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện quá trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy chung của nhà trường;

b) Tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ; chủ động khai thác các dự án hợp tác, phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất kinh doanh, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội;

c) Quản lý giảng viên, cán bộ, nhân viên, sinh viên thuộc khoa theo phân cấp của Hiệu trưởng;

d) Tổ chức phát triển chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học, tài liệu giảng dạy do Hiệu trưởng giao. Tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập; đề xuất xây dựng kế hoạch bổ sung, bảo trì thiết bị dạy học, thực hành, thực tập và thực nghiệm khoa học;

đ) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên và cán bộ nhân viên thuộc khoa.

2. Căn cứ vào quy mô đào tạo và đặc điểm ngành nghề đào tạo, Hiệu trưởng quyết định thành lập các khoa, bộ môn trực thuộc theo cơ cấu tổ chức đã được phê duyệt trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

3. Đứng đầu các khoa là Trưởng khoa do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giúp việc cho Trưởng khoa có các Phó Trưởng khoa do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng khoa. Nhiệm kỳ của Trưởng khoa và Phó Trưởng khoa là 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

4. Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa là những người có uy tín, có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học, quản lý và có trình độ từ thạc sĩ trở lên.

5. Tuổi khi bổ nhiệm Trưởng khoa, Phó trưởng khoa các trường công lập không quá 55 đối với nam và 50 đối với nữ. Tuổi bổ nhiệm Trưởng khoa và Phó trưởng khoa các trường tư thục không hạn.

6. Nhiệm vụ cụ thể của khoa và bộ môn; quy trình bổ nhiệm được quy định trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của trường.

Điều 47. Các bộ môn thuộc khoa

1. Bộ môn thuộc khoa là đơn vị cơ sở về đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ của trường cao đẳng, chịu trách nhiệm về học thuật trong các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ.

2. Bộ môn có các nhiệm vụ sau đây:

a) Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, tiến độ giảng dạy, học tập một số môn học trong Chương trình, kế hoạch giảng dạy chung của trường, của khoa;

b) Tổ chức xây dựng và hoàn thiện nội dung, Chương trình, biên soạn giáo trình và tài liệu giảng dạy liên quan đến ngành, chuyên ngành đào tạo được khoa và trường giao;

c) Triển khai kế hoạch giảng dạy, học tập, hoạt động khoa học và công nghệ, quản lý cơ sở vật chất, thiết bị theo sự phân công của trường và của khoa;

d) Cải tiến phương pháp giảng dạy, triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

3. Đứng đầu bộ môn là Trưởng bộ môn. Trưởng bộ môn do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Trưởng khoa sau khi tham khảo ý kiến của các giảng viên trong bộ môn. Trưởng bộ môn là nhà khoa học có uy tín của ngành đào tạo tương ứng, có trình độ từ thạc sĩ trở lên. Nhiệm kỳ của Trưởng bộ môn là 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Tuổi khi bổ nhiệm Trưởng Bộ môn do Hiệu trưởng quy định nhưng không vượt quá tuổi lao động theo quy định của Luật Lao động.

Điều 48. Tổ chức nghiên cứu và phát triển

1. Các tổ chức nghiên cứu và phát triển trong trường cao đẳng được tổ chức dưới các hình thức: trung tâm, phòng, trạm và các cơ sở nghiên cứu và phát triển khác.

Các tổ chức nghiên cứu và phát triển trong trường cao đẳng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ.

2. Nhiệm vụ của các tổ chức nghiên cứu và phát triển là gắn đào tạo và nghiên cứu khoa học, triển khai các hoạt động khoa học, công nghệ, các dịch vụ khoa học, công nghệ phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng.

3. Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và quản lý hoạt động của các tổ chức nghiên cứu và phát triển được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

4. Đứng đầu trung tâm là giám đốc trung tâm, đứng đầu các phòng, trạm là trưởng phòng, trưởng trạm. Giám đốc trung tâm, trưởng phòng, trưởng trạm do Hiệu trưởng quyết định bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm.

Điều 49. Các cơ sở phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học

1. Các tổ chức, cơ sở phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học bao gồm: thư viện; cơ sở thực hành, thực tập; phòng thí nghiệm, trạm nghiên cứu, trạm quan trắc, xưởng, trạm, trại, vườn thực nghiệm; phòng truyền thống, câu lạc bộ, nhà văn hoá - thể dục thể thao, ký túc xá, nhà ăn của cán bộ và sinh viên và các cơ sở phục vụ khác.

2. Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và quản lý hoạt động của các tổ chức, cơ sở phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

3. Hàng năm trường dành kinh phí thích hợp để bổ sung sách cho thư viện, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường.

Chương VII TÀI SẢN VÀ TÀI CHÍNH

Điều 50. Quản lý và sử dụng tài sản

1. Tài sản của trường cao đẳng bao gồm: đất đai, nhà cửa, công trình xây dựng, kết quả hoạt động khoa học và công nghệ, trang thiết bị và những tài sản khác được Nhà nước, tổ chức, cá nhân đầu tư giao cho trường quản lý và sử dụng; tài sản do trường đầu tư mua sắm, xây dựng; tài sản được biếu, tặng để đảm bảo các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và các hoạt động khác; các động sản và bất động sản và các quyền tài sản khác theo quy định của pháp luật.

2. Quyền sở hữu tài sản:

a) Tài sản của trường cao đẳng tự thực được hình thành từ vốn góp của các cổ đông thuộc sở hữu tư nhân của người góp vốn. Tổ chức và các cá nhân là chủ sở hữu số cổ phần đã góp hoặc đã mua;

b) Tài sản của Nhà nước, tổ chức và cá nhân biếu tặng; tài sản tăng thêm từ kết quả hoạt động của trường là tài sản không chia, thuộc sở hữu tập thể.

3. Hàng năm trường cao đẳng có kế hoạch bố trí kinh phí duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên; bố trí kinh phí hợp lý từ nguồn thu của trường để đầu tư bổ sung, đổi mới trang thiết bị, sửa chữa lớn, xây dựng mới và từng bước hiện đại hoá cơ sở vật chất kỹ thuật. Kinh phí đầu tư phát triển cơ sở vật chất phục vụ sự nghiệp đào tạo và nghiên cứu khoa học từ mọi nguồn vốn phải tuân thủ các quy định của Nhà nước.

4. Hàng năm, trường cao đẳng tổ chức kiểm kê, đánh giá lại giá trị tài sản của trường và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước.

Điều 51. Nguồn tài chính

1. Ngân sách Nhà nước cấp bao gồm:

- a) Kinh phí hoạt động thường xuyên đối với trường cao đẳng công lập được ngân sách nhà nước bảo đảm một phần chi phí;
- b) Kinh phí thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, ngành, Chương trình mục tiêu quốc gia và các nhiệm vụ đột xuất khác được cấp có thẩm quyền giao;
- c) Kinh phí thanh toán cho nhà trường theo chế độ đặt hàng để thực hiện các nhiệm vụ của Nhà nước (điều tra, quy hoạch, khảo sát).
- d) Kinh phí cấp để thực hiện tinh giản biên chế;
- đ) Vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học theo dự án và kế hoạch hàng năm;
- e) Vốn đối ứng của các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- g) Kinh phí đầu tư ban đầu, đầu tư khuyến khích của Nhà nước đối với các trường cao đẳng ngoài công lập;

2. Nguồn thu của trường cao đẳng:

- a) Thu học phí, lệ phí từ người học theo quy định của Nhà nước;
- b) Thu từ kết quả hoạt động hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và các hoạt động sản xuất, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật;
- c) Các nguồn thu sự nghiệp khác: lãi tiền gửi ngân hàng; tiền thanh lý, khấu hao tài sản; mua sắm từ nguồn thu quy định tại khoản này;
- d) Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật, bao gồm: tài trợ, viện trợ, ủng hộ, quà tặng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng, vốn góp của các tổ chức, cá nhân để đầu tư mở rộng và phát triển nhà trường.

Điều 52. Nội dung chi của trường cao đẳng

1. Chi hoạt động thường xuyên theo chức năng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm:

- a) Chi cho người lao động: chi tiền lương, tiền công; các khoản phụ cấp lương; các khoản trích bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, chế độ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kinh phí hoạt động công đoàn theo quy định;
- b) Chi quản lý hành chính: vật tư văn phòng, dịch vụ hành chính, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị phí;
- c) Chi hoạt động chuyên môn nghiệp vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của nhà giáo, cán bộ, nhân viên và người học;
- d) Chi mua sắm tài sản, sửa chữa thường xuyên cơ sở vật chất, tài sản cố định, trang thiết bị;

2. Chi hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, như nộp thuế, trích khấu hao tài sản cố định.

3. Chi thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, cấp bộ, cấp nhà nước; chương trình mục tiêu quốc gia; chi thực hiện theo cơ chế đặt hàng (điều tra, quy hoạch, khảo sát); chi vốn đối ứng thực hiện các dự án có vốn nước ngoài theo quy định.

4. Chi thực hiện tinh giảm biên chế theo chế độ do Nhà nước quy định đối với trường cao đẳng công lập.

5. Chi đầu tư phát triển, gồm: chi đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm tài sản cố định, trang thiết bị, chi thực hiện các dự án đầu tư khác theo quy định của Nhà nước.

6. Chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được các cấp có thẩm quyền giao;

7. Chi trả vốn vay, vốn góp.

8. Các khoản chi khác theo quy định.

Điều 53. Quản lý tài chính

1. Trường cao đẳng công lập thực hiện quản lý tài chính theo các quy định của pháp luật về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu.

a) Trong phạm vi nguồn tài chính được sử dụng, trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật và chế độ chi tiêu tài chính của Nhà nước hiện hành, nhà trường chủ động bố trí kinh phí để thực hiện nhiệm vụ được giao; chủ động xây dựng các định mức chi tiêu phù hợp, đảm bảo được hoạt động thường xuyên, tăng cường công tác quản lý, sử dụng kinh phí có hiệu quả và tăng thu nhập cho nhà giáo, cán bộ, nhân viên;

b) Được vay tín dụng ngân hàng, Quỹ hỗ trợ phát triển và các quỹ khác để mở rộng và nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, tổ chức sản xuất, cung ứng dịch vụ và tự chịu trách nhiệm trả nợ vay;

c) Mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước để phản ánh các khoản kinh phí thuộc ngân sách nhà nước; mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng để phản ánh các khoản kinh phí thuộc nguồn thu sự nghiệp của trường; thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và được hưởng các quyền lợi về miễn, giảm thuế đối với các hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ có thu ;

d) Được trích lập và chủ động sử dụng các quỹ: Dự phòng ổn định thu nhập, Khen thưởng, Phúc lợi và Phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu;

đ) Hàng năm, lập dự toán thu, chi báo cáo cơ quan quản lý nhà nước, Kho bạc nhà nước nơi trường mở tài khoản. Các khoản thu, chi thuộc ngân sách nhà nước phải được thể hiện trong tài khoản tại Kho bạc nhà nước theo đúng quy định hiện hành. Kinh phí từ ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động thường xuyên và các khoản thu sự nghiệp, cuối năm chưa chi hết được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng;

e) Tổ chức công tác kế toán, thống kê, báo cáo tài chính và thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật. Các đơn vị có thu, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng của trường cao đẳng phải chấp hành chế độ báo cáo tài

chính định kỳ với nhà trường theo đúng quy định của pháp luật. Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân riêng phải thực hiện quản lý tài chính thông qua Phòng Kế hoạch - Tài chính (hoặc Phòng Kế toán - Tài vụ) của nhà trường;

g) Thực hiện chế độ kiểm toán; định kỳ tự tổ chức thanh tra, kiểm tra và đánh giá hiệu quả sử dụng, quản lý tiền vốn, tài sản; chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Các trường cao đẳng tự thực được áp dụng chế độ tài chính quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường.

Chương VIII

QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Điều 54. Trách nhiệm của trường cao đẳng

1. Trường cao đẳng thông báo công khai về:

a) Chỉ tiêu, điều kiện, kế hoạch và phương thức tuyển sinh mới hàng năm; Quy chế về tuyển sinh, tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi, công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ, các quy định khác của Bộ Giáo dục và Đào tạo, và các quy định riêng của trường liên quan đến tổ chức đào tạo, điều kiện học tập, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên;

b) Điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, điều kiện phục vụ học tập, nghiên cứu và sinh hoạt của người học tại trường;

c) Số liệu thống kê hàng năm về người tốt nghiệp và có được việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo.

2. Trường cao đẳng chủ động phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho người học, kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội; thực hiện Quy chế thực hiện dân chủ trong nhà trường; xây dựng nhà trường thực sự trở thành trung tâm văn hoá, khoa học tại địa phương nơi trường đặt trụ sở.

3. Trường cao đẳng chủ động thực hiện chủ trương xã hội hoá sự nghiệp giáo dục, tạo điều kiện để xã hội có thể tham gia đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, góp ý kiến cho nhà trường về quy hoạch phát triển, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ đào tạo; hỗ trợ kinh phí cho người học và tiếp nhận người tốt nghiệp; giám sát các hoạt động giáo dục và tạo lập môi trường giáo dục lành mạnh.

4. Trường cao đẳng có Website riêng, thường xuyên cập nhật thông tin nêu ở khoản 1 Điều này và các thông tin khác về tổ chức hoạt động của trường.

Điều 55. Quan hệ giữa trường cao đẳng với các Bộ, ngành, với các cơ sở giáo dục, nghiên cứu khoa học và sản xuất kinh doanh

1. Trường cao đẳng chủ động phối hợp với các cơ sở giáo dục khác, các cơ sở nghiên cứu khoa học, các cơ sở thực hành, các doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên, sinh viên trao đổi kinh nghiệm, hợp tác nghiên cứu, tham

quan, thực tập, thực hành rèn luyện nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ vào sản xuất, gắn việc giảng dạy, học tập với các hoạt động sản xuất và đời sống xã hội.

2. Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành, các địa phương, các doanh nghiệp trong việc xác định nhu cầu đào tạo, gắn đào tạo với việc làm, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên và việc tuyển dụng người học đã tốt nghiệp.

Điều 56. Quan hệ giữa trường cao đẳng với các cơ sở văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao, cơ quan thông tin đại chúng

Trường cao đẳng chủ động phối hợp với các cơ sở văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao, các cơ quan thông tin đại chúng trong việc tạo ra môi trường giáo dục lành mạnh cho sinh viên, phát hiện và bồi dưỡng những sinh viên có năng khiếu về các hoạt động này; tạo điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính phục vụ hoạt động giao lưu văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao cho sinh viên và tuyên truyền cho nhà trường.

Điều 57. Quan hệ giữa trường cao đẳng với chính quyền địa phương các cấp

Trường cao đẳng chủ động phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội nơi trường đặt trụ sở trong việc đưa tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống xã hội và đào tạo nhân lực cho địa phương; đảm bảo trật tự, an ninh, bảo đảm môi trường học tập, cảnh quan sư phạm và an toàn cho người học; ngăn chặn các tội phạm và tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường.

Chương IX

THANH TRA, KIỂM TRA, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 58. Thanh tra, kiểm tra

1. Trường cao đẳng tổ chức việc tự kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật.

2. Trường cao đẳng chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 59. Khen thưởng

Cá nhân, tập thể trường cao đẳng thực hiện tốt Điều lệ này, có nhiều thành tích đóng góp cho sự nghiệp giáo dục, khoa học và công nghệ được khen thưởng theo quy định của Nhà nước.

Điều 60. Xử lý vi phạm

Cá nhân, tập thể nào làm trái với các quy định của Điều lệ này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo qui định hiện hành và của pháp luật; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC**

Bàn Tiến Long